

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)** **Quý II và 6 tháng đầu năm 2010**

**B**áo cáo tài chính Hợp nhất Quý II và 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại SMC bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại SMC và Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung gió nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng, lắp đặt công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sửa chữa nhà ở, trang trí nội ngoại thất; Lập dự án đầu tư xây dựng; Kinh doanh nhà; Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất nhập khẩu.
- Tổng số các công ty thành viên** : 06
- Danh sách các công ty thành viên**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu.	100 %	100 %
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An – Bình Dương	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành – BRVT	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè – TP. HCM	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, P. 25, Bình Thạnh – HCM	100%	100%
Công ty CP Hải Việt	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh – TP. Hà Nội	60%	60%

### **6. Các công ty Liên doanh - liên kết**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty CP Sản xuất Thương mại Vật Tư Sao Việt	147/ 6 Ung Văn Khiêm, P. 25, Bình Thạnh – TP. HCM	35%	35%

### **7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

- + Ngày 03/04/2010, tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty CP Đầu tư – Thương mại SMC.
- + Thành lập chi nhánh Công ty CP Đầu tư – Thương mại SMC tại Đà Nẵng (Đăng ký kinh doanh số: 0303522206-004 ngày 25/02/2010; Mã số thuế 0303522206-004; Địa chỉ: 76 – 78 Bạch Đằng, Quận Hải Châu – Đà Nẵng)
- + Bán toàn bộ cổ phần trong liên doanh – liên kết với Công ty CP Cơ khí Chiến Thắng.
- + Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cho công tác đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2010 là năm tài chính thứ 6 kể từ khi Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc, thành viên hình thành bộ máy kế toán riêng. Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại SMC và các công ty thành viên.

### **2. Cơ sở hợp nhất**

#### ***Các công ty thành viên (con)***

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh

doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### ***Các công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập sau xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

**7. Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng..

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

**8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

**11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

**13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

**15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

**16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

+ Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại SMC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2010 với mức thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Do cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005 – 2006) và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo (năm 2007 – 2008). Do niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán trong năm 2005, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm (năm 2009 – 2010). Năm tài chính 2010 là năm tài chính thứ nhì Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.

+ Công ty TNHH Thép SMC hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% trong 12 năm. Đối với hoạt động gia công, được miễn thuế 1 năm và giảm 50% cho 4 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm tài chính thứ ba công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động gia công.

+ Công ty CP Hải Việt được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm tài chính thứ ba. Tiền thuế đất được miễn trong 11 năm kể từ ngày Dự án đi vào hoạt động

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận, xử lý theo Thông tư 201/ 2009/ TT – BTC ngày 15/10/2009

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD

31/12/2009 : 17.941 VND/USD

#### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Tiền mặt	743.625.061	1.026.862.594
Tiền gửi ngân hàng	98.421.116.153	44.449.692.644
Tiền gửi tiết kiệm (Kỳ hạn ≤ 3 tháng)	7.358.402.236	18.920.959.175
<i>Kỳ hạn 07/06 - 07/09/10, i= 11,3% (VCB - HCM)</i>		
<b>Cộng</b>	<b>106.523.143.450</b>	<b>64.397.514.413</b>

### **2. Đầu tư ngắn hạn**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	8.603.753.560	10.436.648.148
Tiền gửi tiết kiệm	51.997.236.098	48.584.787.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<b>(2.234.277.349)</b>	<b>(2.234.277.349)</b>
<b>Cộng</b>	<b>58.366.712.309</b>	<b>56.787.157.799</b>

#### **2 (a)**

	<b>Số lượng CP</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>
Ngân Hàng TM CP Á Châu	634	29.106.521
Cty CP Khoáng Sản Bình Dương	107.660	3.517.840.854
Ngân hàng CP Ngoại thương	11.000	634.914.285
CN Cty XD PTĐT Đà Lạt (golf VN)	45.000	683.000.000
Cty INLACO Sài Gòn	55.000	1.830.000.000
Cty Tư Vấn Xây Dựng Tổng Hợp	29.714	632.908.200
Công ty CP Thép Pomina	3.000	130.500.000
Cty CP Bao Bì Sài Gòn	70.000	725.000.000
Cty CP Đại Lý Hàng Hải	11.200	420.483.700
<b>Cộng</b>	<b>333.208</b>	<b>8.603.753.560</b>



**2 (b)**

Gửi tiết kiệm làm tài sản thế chấp ngân hàng (Thư BLTT)	<b>Giá trị đầu tư</b>
Kỳ hạn 6 tháng, từ 04/06/10 - 04/12/10, i= 11% (Vietinbank - CN HCM)	51.041.017.898
Kỳ hạn 6 tháng, từ 12/01 - 12/07/10, i= 9% (Techcombank - Chợ Lớn)	956.218.200
<b>Cộng</b>	<b>51.997.236.098</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Phải thu khách hàng	688.910.149.642	693.516.058.809
Trả trước người bán	3.1 8.776.011.748	7.481.003.580
Phải thu khác	3.2 4.235.907.021	2.918.755.694
Dự phòng phải thu khó đòi	(934.351.548)	(1.009.351.548)
<b>Cộng</b>	<b>700.987.716.863</b>	<b>702.906.466.535</b>

**(3.1) Trả trước người bán**

	<b>30/06/10</b>
Yuhong Steel Industrial	4.238.974.030
Công ty TNHH SMC Bình Dương	3.540.758.480
Khác	4.537.037.718
<b>Cộng</b>	<b>8.776.011.748</b>

**3.2 Phải thu khác**

	<b>30/06/10</b>
Lãi ký quỹ phải thu	106.210.254
Công ty CP Cơ Khí Chiến Thắng	3.705.536.500
Phải thu khác	424.160.267
<b>Cộng</b>	<b>4.235.907.021</b>

**4. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Công cụ, dụng cụ		14.072.381
Chi phí gia công	29.795.247.352	33.366.503.398
Thành phẩm tồn kho	6.596.770.287	4.782.041.265
Hàng hóa	352.101.913.598	300.702.597.439
<b>Cộng</b>	<b>388.493.931.237</b>	<b>338.865.214.483</b>



**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Chi phí trả trước	(1.421.236.090)	318.427.667
Thuế GTGT được khấu trừ	19.874.194.437	18.052.071.332
Thuế & các khoản phải thu NN	3.000.000	
Tài sản ngắn hạn khác	5.1 14.295.651.593	83.550.462.056
+ Các khoản tạm ứng	3.387.286.300	
+ Các khoản ký quỹ	10.806.189.494	
- Các NM Thép trong nước	7.350.022.974	
- Ký quỹ mở L/C	3.456.166.520	
+ Các khoản khác	102.175.799	
<b>Cộng</b>	<b>32.751.609.940</b>	<b>101.920.961.055</b>

**6. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Công ty CP Cơ Khí Chiến Thắng		3.459.131.100
Công ty CP SX - TM Vật Tư Sao Việt	1.913.123.461	1.913.123.461
<b>Cộng</b>	<b>1.913.123.461</b>	<b>5.372.254.561</b>

**7. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>Số lượng CP</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>
Cty CP Bê Tông 620Long An	50000	500.000.000
NM Cơ Khí Luyện Kim	30.000	510.000.000
Ngân hàng CP Công Thương	200.000	4.051.400.000
Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000
Cty CP Thép Nhà Bè	100.000	2.720.000.000
Cty CP Thép Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000
Công ty CP Thép - Thép Việt	1.400.000	38.500.000.000
Cty CP Thép Biên Hòa	420.596	12.175.807.200
<b>Cộng</b>	<b>4.050.596</b>	<b>82.332.207.200</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Phí hạ tầng KCN trả trước (SMC Cơ Khí)	3.036.090.667	785.802.004
Công cụ dụng cụ		32.553.966
Chi phí khác	842.924.402	360.242.084
	<b>3.879.015.069</b>	<b>1.178.598.054</b>

**9. Tài sản dài hạn khác (Ký quỹ thuê tài chính)**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Ký quỹ tại Công ty Chailease	1.908.888.800	1.908.888.800
Ký quỹ tại Công ty VILC	1.211.592.410	1.211.592.410
<b>Cộng</b>	<b>3.120.481.210</b>	<b>3.120.481.210</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

Ngân hàng	31/12/09	Tăng	Giảm	30/06/10
Vietinbank - SGD2	163.668.324.575	604.243.663.741	631.096.646.256	136.815.342.060
<i>SMC</i>	<i>151.796.657.830</i>	<i>483.132.322.463</i>	<i>546.928.980.293</i>	<i>88.000.000.000</i>
<i>PM</i>		<i>98.295.999.218</i>	<i>58.295.999.218</i>	<i>40.000.000.000</i>
<i>BD</i>	<i>11.871.666.745</i>	<i>22.815.342.060</i>	<i>25.871.666.745</i>	<i>8.815.342.060</i>
Vietinbank - CN Nhà Bè	20.000.000.000	63.000.000.000	70.000.000.000	13.000.000.000
Vietinbank - CN Đông Sài Gòn		38.000.000.000	38.000.000.000	
Ngân hàng HSBC	40.000.000.000	656.000.000.000	562.000.000.000	134.000.000.000
Ngân hàng HSBC		20.000.000.000		20.000.000.000
Ngân hàng ANZ	82.137.693.235	350.080.821.999	336.818.515.234	95.400.000.000
Ngân hàng Liên Việt - Tân Bình	30.000.000.000		30.000.000.000	
Ngân hàng VCB - CN HCM		70.000.000.000		70.000.000.000
NH Nông Nghiệp - Trảng An	8.184.007.824	4.950.909.423	13.134.917.247	
NH Nông Nghiệp - Tân Thành	16.988.516.000	35.000.000.000	51.988.516.000	
Ngân hàng BIDV - Phú Mỹ	20.000.000.000	40.000.000.000	60.000.000.000	
NH Exim Bank - CN Sài Gòn	53.500.000.000	117.083.337.632	133.050.000.000	37.533.337.632
Vay cá nhân	58.769.566.000	9.632.000.000	9.010.000.000	59.391.566.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.197.537.671		4.014.402.588	4.183.135.083
<b>Cộng</b>	<b>501.445.645.305</b>	<b>2.007.990.732.795</b>	<b>1.939.112.997.325</b>	<b>570.323.380.775</b>

**11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Phải trả người bán	434.026.797.587	514.134.999.062
Người mua trả tiền trước	16.1 185.619.279.815	184.612.363.690
<u>Trong đó:</u>		
<i>Công ty Bachy Soletanche VN</i>	<i>31.174.887.375</i>	
<i>Công ty CP Đầu tư &amp; XD An Thái</i>	<i>110.867.946.668</i>	
<i>Công ty LD TNHH VCB - Bonday - Bến Thành</i>	<i>30.051.517.056</i>	
<i>Công ty TNHH Lạc Hồng</i>	<i>3.080.000.000</i>	
<i>Khách hàng Khác</i>	<i>10.444.928.716</i>	
Cộng	<b>619.646.077.402</b>	<b>698.747.362.752</b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.11.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

**12. Thuế thu nhập doanh nghiệp quý II năm 2010**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Thuế nhập khẩu	1.032.085.147	557.673.064
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.787.390.519	7.321.307.336
Thuế Thu nhập cá nhân	612.988.286	63.670.083
Phí, lệ phí		
Cộng	<b>12.432.463.952</b>	<b>7.942.650.483</b>

***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC**

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý II và 6 tháng đầu năm 2010****13. Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Vay dài hạn ngân hàng (Vietinbank - CN HCM)	43.837.504.300	23.057.562.500
Nợ dài hạn (Thuê tài chính)	10.482.256.673	18.679.794.344
Nợ dài hạn đến hạn trả khác	1.131.000.000	(8.197.537.671)
<b>Cộng</b>	<b>55.450.760.973</b>	<b>33.539.819.173</b>

**14. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>30/06/10</b>	<b>31/12/09</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số tại Cty CP Hải Việt	3.077.496.035	2.598.899.411

**15. Tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	31/12/09	Phát sinh		30/06/10
		Tăng	Giảm	
Nguồn vốn kinh doanh	146.594.630.000			146.594.630.000
Thặng dư vốn cổ phần	59.924.599.600			59.924.599.600
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)			(142.489.800)
CL tỷ giá hối đoái	(1.579.597.559)	(76.039.230)	(1.579.597.559)	(76.039.230)
Quỹ đầu tư phát triển	33.522.560.867	21.621.862.998		55.144.423.865
Quỹ dự phòng tài chính	6.319.754.537	3.060.214.610		9.379.969.147
Lợi nhuận chưa phân phối	64.533.139.228	19.702.188.780	12.160.196.000 <sup>a</sup>	72.075.132.008
	309.172.596.873	44.308.227.158	10.580.598.441	342.900.225.590

(a) Lợi nhuận chưa phân phối

Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009

11.722.196.000

Thù lao HĐQT - BKS

438.000.000

## **VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Doanh thu xuất khẩu	49.402.468.001	25.757.107.867
Doanh thu bán hàng (trong nước)	2.795.112.868.314	2.102.623.927.697
Doanh thu dịch vụ	1.336.231.770	962.522.104
<b>Cộng</b>	<b>2.845.851.568.085</b>	<b>2.129.343.557.668</b>

### **2. Giá vốn hàng bán**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Giá vốn hàng hóa	2.713.355.262.122	2.066.183.465.432
<b>Cộng</b>	<b>2.713.355.262.122</b>	<b>2.066.183.465.432</b>

### **3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	793.431.587	3.135.609.584
Lãi tiền gửi tiết kiệm	3.359.172.585	
Lãi ký quỹ	(1.030.878.901)	2.345.923.400
Doanh thu hoạt động tài chính	6.091.974.812	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	716.820.200	349.396.800
Lãi cho vay		139.343.750
Khác		30.000
C/ lệch tỷ giá hối đoái	5.918.239.860	1.405.119.747
<b>Cộng</b>	<b>15.848.760.143</b>	<b>7.375.423.281</b>

### **4. Chi phí tài chính**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Chi phí lãi vay	38.496.619.074	8.883.420.514
C/ lệch tỷ giá hối đoái	5.029.993.598	1.692.492.325
Lỗ bán chứng khoán		2.014.399.458
Khác		52.777.777
Hoàn nhập DP tài chính		(3.205.795.272)
<b>Cộng</b>	<b>43.526.612.672</b>	<b>9.437.294.802</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC**

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý II và 6 tháng đầu năm 2010****5. Chi phí bán hàng**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Chi phí nhân viên	6.216.958.954	5.487.403.088
Chi phí công cụ, dụng cụ	107.632.450	5.328.061
Chi phí khấu hao TSCD	1.557.303.560	1.199.960.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.633.533.801	10.583.747.411
Chi phí bằng tiền khác	2.892.331.285	1.295.474.280
<b>Cộng</b>	<b>30.407.760.050</b>	<b>18.571.913.650</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Chi phí nhân viên	4.907.462.998	3.120.656.497
Chi phí công cụ, dụng cụ	211.371.176	44.734.234
Chi phí khấu hao TSCD	2.514.770.750	871.615.064
Chi phí thuế, lệ phí..	172.379.095	8.153.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.845.905.410	3.467.136.580
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	500.000.000	516.320.500
Chi phí bằng tiền khác	1.597.947.256	1.177.008.590
<b>Cộng</b>	<b>14.749.836.685</b>	<b>9.205.624.465</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Thu lãi chậm thanh toán	62.365.015	291.195.420
Thu Hỗ trợ phí sử dụng thư BLTT	460.378.182	363.333.333
Thuế TNDN được miễn quý IV /2008		397.948.889
Khác	432.128.487	19.701.751
Thu nhập bán phế liệu		23.927.641
Bán tài sản cố định	974.172.727	911.406.404
<b>Cộng</b>	<b>1.929.044.411</b>	<b>2.007.513.438</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Thuế nhà thầu nước ngoài	367.322.085	
Chi phí khác	44.947.407	23.180.777
Giá vốn bán tài sản cố định	678.982.857	911.802.455
<b>Cộng</b>	<b>1.091.252.349</b>	<b>934.983.232</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>6 tháng đầu 2010</b>	<b>6 tháng đầu 2009</b>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (CD Cty Mẹ)	50.987.199.367	27.500.922.691
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	14.652.745	10.990.059

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

3.480

2.502

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

	30/06/2010	30/06/2009
<b><u>1. Cơ cấu tài sản &amp; nguồn vốn</u></b>		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	79,86	80,51
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	20,14	19,49
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	78,22	75,98
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	21,78	24,02
<b><u>2. Khả năng thanh toán</u></b>		
Khả năng thanh toán hiện hành	1,28	1,32
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,07	1,08
Khả năng thanh toán nhanh	0,08	0,18
<b><u>3. Tỷ suất sinh lời</u></b>		
Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	2,07	1,47
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,81	1,30
Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	3,65	2,76
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3,19	2,45
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	14,79	10,29
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	35,11	25,17

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2010

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Sương**

**Nguyễn Văn Lâm**

**Nguyễn Ngọc Anh**